TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc** ----------

Bản án số: **117**/2017/HSST
Ngày: 10-7-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Tiến.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Diệu Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Minh Đức - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2017/HSST ngày 02-6-2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/HSST-QĐ ngày 15-6-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐ-HPT ngày 29/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị M- sinh năm 1975 tại Hải Dương.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: số nhà 3/94 phố TN, phường LTN, thành phố HD, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Phạm An Gi (đã chết) và bà Đinh Thị Ch, 84 tuổi; chồng Nguyễn Sơn H, sinh năm 1971 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Thị Hồng H1- sinh năm 1980 tại Hải Dương.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: số nhà 125F phố QT, phường QT, thành phố HD, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1956, chồng Phạm Minh T, sinh năm 1980; bị cáo có 01 con sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Đinh Liên H- sinh năm 1974 tại Hải Dương.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: số nhà 45B, phố AN, phường QT, thành phố HD, tỉnh HD; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Đinh Liên Kh (đã chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1933, vợ Trần Thị H1, sinh năm 1979; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Trần Ngọc T- sinh năm 1983 tại Hưng Yên.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn Ngái, xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Trần Huy H2, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1961, vợ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1984; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh Bùi Quang H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: số nhà 56, phố AN, phường QT , thành phố HD, tỉnh HD

Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

. Người làm chứng: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: số nhà 123 đường Nguyễn Thị Định, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị M, NguyễnThị Hồng H1và Đinh Liên H có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. M, H1 và H thống nhất nếu có khách mua số lô, số đề thì H bán sau đó chuyển lại cho M và H1 để hưởng phần trăm hoa hồng. Theo thỏa thuận M, H1 bán cho H 19.000đ/1 điểm lô thường, 72% tiền đề và 62% lô xiên và thống nhất lấy kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc phát hành hàng ngày làm căn cứ tính thắng, thua. Việc thanh toán tiền thắng, thua được thực hiện vào ngày hôm sau.

Hình thức đánh bạc gồm: Số đề: là dãy 02 hoặc 03 số tự nhiên được so với 02 hoặc 03 số cuối của giải đặc biệt, nếu số đề người chơi mua trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì người chơi sẽ thắng với số tiền gấp 70 lần so với số tiền đã bỏ ra mua, nếu số đề 03 số người chơi mua trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì người chơi sẽ thắng với số tiền gấp 300 lần so với số tiền bỏ ra mua.

Số lô thường: Là hai số tự nhiên được so với hai số cuối của tất cả các giải kết quả xổ số, nếu số lô người chơi mua trùng với hai số cuối của 01 trong 27 giải thì mỗi 01 điểm, người mua sẽ thắng được 70.000đ, nếu lặp nhiều lần ở nhiều giải thì số điểm trúng thưởng sẽ được nhân với số lần lặp lại. Số lô xiên 02: Nếu cả 02 số người chơi mua trùng với 02 số cuối của 02 trong 27 giải thì người chơi thắng gấp 10 lần số tiền người chơi bỏ ra mua.

Ngoài ra, H và Trần Ngọc T có quen biết với nhau từ trước. Chiều ngày 17/01/2017, H và T đi tiếp thị bia ở Hải Dương, T hỏi H có biết ai bán số lô, số đề T mua nên H bảo: H bán cho T. H và T thống nhất với giá 20.000đ/01 điểm lô thường, số lô xiên tính theo số tiền T bỏ ra mua.

Khoảng 17h45 phút cùng ngày, T ngồi tại quán nước trên đường Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, dùng điện thoại lắp sim số 0168.861.0007 gửi tin nhắn đến số điện thoại 0904.077.568 của H để mua số lô, cụ thể:

- Thời gian 17h39 phút ngày 17/01/2017 - đến - vao em lô 87. 56.65. 01. 10. 24. 42. 11. 32 x 25d; 78.99.31 x 50d; 22 x 150 va xien 02 (78.31): (01.10). (78:99): (31:22). (99:31) x 500ng. Mai em tt ca hai ngay.

- Thời gian 17h56 ngày 17/01/2017- đến - nội dung: cho thua luon vao em lô 10x500d nua mai tt.

Như vậy số lô T mua gồm: 87, 56, 65, 01, 10, 24, 42, 11, 32 mỗi số cược 25 điểm = 4.500.000đ; 78, 99, 31 mỗi số cược 50 điểm = 3.000.000đ; 22 cược 150 điểm = 3.000.000đ; xiên 02: 78.31; 01.10; 78.99; 31.22; 99.31 mỗi số cược 500.000đ = 2.500.000đ; lô 10 cược 500 điểm = 10.000.000đ. Tổng số tiền T mua của H là 23.000.000đ.

Khoảng hơn 17h00 phút ngày 17/01/2017, M và H1 đến nhà chị Phạm Thị Th ở số 123 Nguyễn Thị Định, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương chơi. Đến 17h45 phút cùng ngày, H dùng điện thoại nhắn tin chuyển toàn bộ số lô bán cho T vào số điện thoại 0167.946.3958 của M. Sau khi nhận được các số lô trên của H, M đọc nội dung tin nhắn gồm các số lô và số tiền H mua để ghi ra 01 giấy rồi tính tiền. Khoảng 19h10 phút cùng ngày, sau khi có kết quả xổ số H1 và M đang cộng tiền thắng thua, xác định thua 75 điểm lô thường = 5.250.000đ, theo thỏa thuận thì phải trả tiền hoa hồng cho H là 1.975.000đ nên M và H1 còn

nhận được số tiền là 15.775.000đ. Vì vậy H phải trả cho M và H1 số tiền 15.775.000đ. T sẽ phải trả cho H số tiền 17.750.000đ. Khi M và H1 đang cộng tiền thì bị Cơ quan CSĐT(PC45) Công an tỉnh Hải Dương kiểm tra phát hiện, lập biên bản thu giữ vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di dộng Iphone 7 màu vàng, số Imel: 359162075067673 của H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen, số Imel: 012650002468682 của M; 01 tờ giấy có ghi các số lô và nội dung tính tiền. Chiếc điện thoại samsung J5 lắp sim số 0168.861.0007 của T, sau khi nhắn tin mua số lô của H, ngày 18/01/2017 T làm rơi mất nên không thu giữ được.

Tại kết luận giám định số 19/KLGĐ ngày 16/02/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ số trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ số trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 – M6) là do cùng một người viết ra (Nguyễn Thị Hồng H1).

Tại kết luận giám định số 562/C54-P6 ngày 17/3/2017, Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

+. Có 02 tin nhắn gửi đến và 02 tin nhắn gửi đi trong khoảng thời gian từ ngày 16/01/2017 đến ngày 17/01/2017 lưu trữ trong máy điện thoại di dộng Iphone 7, có số Imel: 359162075067673 (chi tiết thể hiện trong phụ lục).

+. Có 02 tin nhắn gửi đến và 02 tin nhắn gửi đi trong khoảng thời gian từ ngày 16/01/2017 đến ngày 17/01/2017 lưu trữ trong máy điện thoại di dộng Iphone 4, có số Imel: 012650002468682 (chi tiết thể hiện trong phụ lục).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Viện khoa học hình sự và Phòng kỹ thuật hình sự nêu trên.

Anh Bùi Quang H khai nhận: Anh và bị cáo Đinh Liên Hlà chỗ quen biết nên anh đã cho bị cáo mượn 01 điện thoại di dộng Iphone 7 màu vàng, số Imel: 359162075067673. Anh không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên anh đề nghị HĐXX cho anh xin lại chiếc điện thoại trên.

Tại Cáo trạng số 100/VKS-HS ngày 30/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Thị Hồng H1, Đinh Liên H, Trần Ngọc Tvề tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự (được viết tắt là BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Thị Hồng H1, Đinh Liên H, Trần Ngọc Tphạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với bị cáo Phạm Thị Mvà Nguyễn Thị Hồng H1. Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo H1.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị M từ 15 – 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 - 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng H1 từ 12 – 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị M cho Uỷ ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng H1 cho Uỷ ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53; Điều 31 BLHS đối với bị cáo Đinh Liên H và Trần Ngọc T. Điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo H.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Liên H từ 18 - 21 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Ngọc T từ 18 - 21 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng khoản 3 Điều 31 BLHS đối với các bị cáo H, T mỗi bị cáo bị khấu trừ từ 5% đến 15% thu nhập bình quân tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS đối với các bị cáo: Xử phạt bị cáo Phạm Thị M từ 8.000.000đ – 10.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng H1 từ 8.000.000đ – 10.000.000đ; Đinh Liên H từ 5.000.000đ – 8.000.000đ; Trần Ngọc Ttừ 5.000.000đ – 8.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (được viết tắt là BLTTHS)

+. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo tổ chức đánh bạc là 28.250.000đ. (Cụ thể số tiền của bị cáo Phạm Thị M: 2.625.000đ; bị cáo Nguyễn Thị Hồng H1: 2.625.000đ; bị cáo Trần Ngọc T: 23.000.000đ).

+. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen có số Imel: 012650002468682 của bị cáo Phạm Thị M.

+. Trả lại anh Bùi Quang H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng có số Imel: 359162075067673.

+. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 tích kê ghi các số tự nhiên là số lô, số đề thu giữ của các bị cáo H1 và M.

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản niêm phong và giải trình số điện thoại, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do có sự thỏa thuận từ trước giữa Phạm Thị M, Nguyễn Thị Hồng H1, Đinh Liên Hvề việc ghi bán số lô, số đề để hưởng phần trăm hoa hồng. Ngày 07/11/2017, tại địa bàn thành phố Hải Dương. Đinh Liên Hđã bán các số lô cho Trần Ngọc Tvới tổng số tiền là 23.000.000đ bằng hình thức gửi và nhận tin nhắn, sau đó chuyển toàn bộ số lô bán được cho M và H1 bằng hình thức gửi qua tin nhắn. Khoảng 19h10 phút cùng ngày, sau khi có kết quả xổ số, H1 và M đang cộng tiền thắng thua thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương kiểm tra phát hiện, thu giữ vật chứng. Đối chiếu kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày 17/01/2017, M và H1 thua 75 điểm lô thường phải thanh toán trả H số tiền 5.250.000đ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 28.250.000đ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ

việc đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Các bị cáo sử dụng phương tiện thực hiện việc đánh bạc bằng hình thức gửi qua tin nhắn điện thoại di động và thanh toán tiền đánh bạc cũng như thắng thua vào ngày hôm sau. Ngày 17/01/2017 các bị cáo sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 23.000.000đ, khi bị phát hiện thì đã có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng nên xác định, người chơi trúng số lô thường là 5.250.000đ. Căn cứ vào khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 28.250.000đ. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị, câu kết, tổ chức chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phân hoá vai trò, đồng thời đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Phạm Thị Mlà người đề xuất với bị cáo H1, hai bị cáo thỏa thuận khi nhận số lô, số đề của người chơi gửi đến thì M đọc cho H1 ghi lại và thắng thua cùng hưởng như nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của hai bị cáo là ngang nhau. Giữ vai trò sau là bị cáo Đinh Liên Hvà Trần Ngọc Ttham gia với vai trò đồng phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS): Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà, cả 4 bị cáo đều thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" qui định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo H có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo H1 có bố đẻ là thương binh hạng ¾. Đó là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. *(Đối với tình tiết giảm nhẹ TNHS: Các bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và là thương binh, là người có công với cách mạng, được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS được sửa đổi bổ sung năm 2009 nhưng lại là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc Thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13...thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015. Đó là tình tiết có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ*

TNHS theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 cho các bị cáo H1, H). HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo. HĐXX thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 BLHS cho bị cáo M, bị cáo H1 được hưởng án treo. Căn cứ Điều 31 BLHS, phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo H, bị cáo T cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo M, H1, H, T đều phạm tội với mục đích tư lợi nên ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 248 BLHS.

Về vật chứng: Số tiền 28.250.000đ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 01 điện thoại Iphone 7 màu vàng của anh Bùi Quang H cho bị cáo H mượn, anh Huy không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho anh Huy. 01 điện thoại Iphone 4 màu đen của bị cáo M sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Lưu hồ sơ vụ án 01 tích kê ghi các số tự nhiên là số lô, số đề thu giữ của bị cáo H1, M, theo quy định tại điểm a khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại T dùng để thực hiện hành vi phạm tội đã bị mất không truy tìm được nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì *các lẽ trên*,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Thị Hồng H1, Đinh Liên H, Trần Ngọc Tphạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với bị cáo Phạm Thị Mvà Nguyễn Thị Hồng H1. Áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng H1.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị M16 (mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng H15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Mcho Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng Hcho Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53; Điều 31 BLHS đối với bị cáo Đinh Liên H, Trần Ngọc T. Áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Đinh Liên H.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Liên H18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo Trần Ngọc T18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đinh Liên Hcho UBND phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Trần Ngọc Tcho UBND xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 31 BLHS đối với các bị cáo H, T mỗi bị cáo bị khấu trừ 15% thu nhập bình quân tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS đối với các bị cáo: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Msố tiền 8.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng Hsố tiền 8.000.000đ. Bị cáo Đinh Liên Hsố tiền 5.000.000đ. Bị cáo Trần Ngọc Tsố tiền 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước (chưa thu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo chậm nộp số tiền phạt thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi

phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*3. **Về xử lý vật chứng**:* Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 28.250.000đ. (Cụ thể số tiền của bị cáo Phạm Thị M: 2.625.000đ; bị cáo Nguyễn Thị Hồng H1: 2.625.000đ; bị cáo Trần Ngọc T: 23.000.000đ). Chưa thu.

+. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen có số Imel: 012650002468682 của bị cáo Phạm Thị M.

+. Trả lại anh Bùi Quang H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 56A An Ninh, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng có số Imel: 359162075067673. *(đặc điểm các vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2017 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).*

+. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 tích kê ghi các số tự nhiên là số lô, số đề thu giữ của các bị cáo H1 và M.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Thị Hồng H1, Đinh Liên H, Trần Ngọc Tmỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương.
- Công an Tp Hải Dương.
- Chi cục THADS TP Hải Dương.
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Đào

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Duy Luân (tên gọi khác: Thuân) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma Ty"

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Duy Luân (tên gọi khác: Thuân) 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/3/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

+. Tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì thư số 1100/C54 (TT2) có dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an (Bên trong chứa Methamphetamine hoàn lại sau giám định); 12 bật lửa, 03 ống thủy tinh, 03 ống hút, 02 bình thủy tinh, 01 cân tiểu ly và 01 ví da.

+. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.080.000đ được niêm phong trong phong bì số 224.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 04/7/2017)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Dương;
- Công an TP. Hải Dương ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương.
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS TP. Hải Dương.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoài Thanh